TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày: 17/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ Thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội Thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Mý;
2. Bà Bùi Thị Nga.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai Tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 Tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ Thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 11 Tháng 01 năm 2022 Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 11 Tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang Th, sinh ngày 22 Tháng 02 năm 1982 tại Hà Tĩnh; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú hiện tại: Làng N 2, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch V Nam; con ông Lê Quang M và bà Phan Thị L. Bị cáo có vợ là Trần Thị Kim O và có 02 con, lớn sinh năm 2003 và nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 cho đến ngày 02/9/2021 được Thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Tăng Quang V, sinh ngày 07 Tháng 7 năm 1982 tại Hải Dương; nơi cư trú: Làng K, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch V Nam; con ông Tăng Quang Nh và bà Tăng Thị Q. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 cho đến ngày 02/9/2021 được Thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Trọng H (Tên gọi khác: M), sinh ngày 24 Tháng 5 năm 1976 tại Bình Định; nơi cư trú: Làng N 2, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch V Nam; con ông Nguyễn Trọng T và bà Phan Thị Tuyết M. Bị cáo có vợ là Đặng Thị Ng và có 03 con, lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 cho đến ngày 02/9/2021 được Thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Đỗ Ph, sinh ngày 20 Tháng 9 năm 1987 tại Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKHKTT; Thôn B, xã H, Thị xã Tr, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú hiện tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Ch, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Th và bà Cung Thị Nh. Bị cáo có vợ là Lê Thị Thu Th và có 02 con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 cho đến ngày 02/9/2021 được Thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ

Địa chỉ: 765/22 Tr, phường L, Thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện Theo ủy quyền: Ông Bùi Đức T; địa chỉ: 765/22 Tr, phường L, Thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Làng B, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Làng N 2, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Ch, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Ông Tăng Quang Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đội 12, Làng K, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. Ông Tăng Quang N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Làng K, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Siu B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Làng B, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2 Ông Phạm Đức Huy, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Làng B, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3 Ông Võ Văn Gi, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4 Bà Phạm Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Làng N 2, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Ông Tăng Quang Bắc, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 12, Làng K, xã Ch, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 23/7/2021 Lê Quang Th cùng với Nguyễn Trọng H (tên gọi khác M), Tăng Quang V uống rượu tại nhà của Th tại làng N 2, xã Ch, huyện G. Trong lúc uống rượu Th nói với H và V đi đến lô cao su khai Thác Thanh lý để tìm các cành cây cao su còn sót lại lấy bán lấy tiền Thì H và V đồng ý. Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81U1-238.89 còn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61D1-

552.69 chở H rồi cùng đi đến lô cao su đang Thanh lý ở làng K, xã Ch, huyện G Thuộc quyền khai Thác của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ. Tại đây Th, V, H Thấy có một số cây cao su chưa khai Thác nên nảy sinh ý định cắt trộm những cây cao su này. Lúc này V Thấy Đỗ Ph đang cạo mủ những cây cao su ở đây nên nói H ra hỏi Phước. Khi H hỏi Thì Phước nói mình làm bảo vệ ở đây, nghe vậy Thì H nói với Phước cho anh em cắt ít cây bán lấy tiền chia nhau, nghe vậy Thì Phước đồng ý và nói cắt ít cây Thì được nhưng phải đợi Phước đi về nhà đã, nếu Phước ở đây mà cắt là Phước báo cho chủ vườn Thì H đồng ý và trao đổi số điện Thoại với Phước, sau đó V, Th và H đi về nhà Th chờ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi về nhà Thì Phước dùng số điện Thoại 0868947512 gọi điện Thoại cho H vào số 0334003725 Thông báo Phước đã về nhà và nói H đến cắt cây cao su và phải dọn sạch cành nhánh, H đồng ý. Sau đó H cùng với Th và V mang Theo xe công nông, dao rựa và cưa máy (đều lấy tại nhà Th) đến khu vực trên cắt cây cao su. Trong 3 ngày 23, 24, 25 Tháng 7 năm 2021 Th, H, V đã cắt tổng cộng 21 cây cao su và bán đươc số tiền như sau:

- Chiều ngày 23/7/2021 H, Th, V cắt được 09 cây cao su, sau đó dùng xe công nông chở về để tại bãi đất trống bên cạnh nhà Th, sáng 24/7/2021 Thì liên hệ và bán cho anh Hoàng Văn H, H Thoả Thuận với Th và V sau đó Thống nhất giá với anh Hải là 1.100.000đ/tấn gỗ cao su, anh Hải đồng ý. Sau khi cân Thì anh Hải đưa cho Th số tiền 6.430.000đ (sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng);

- Chiều ngày 24/7/2021 H, Th và V tiếp tục đến vị trí lô cao su trên và cắt được 07 cây, sau đó dùng xe công nông vận chuyển về để tại bãi đất trống bên cạnh nhà Th, sáng 25/7/2021 bán cho anh Hải, anh Hải đưa cho Th số tiền 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng);

- Chiều ngày 25/7/2021 Th, V và H cắt được 05 cây cao su sau đó mang về để tại bãi đất trống bên cạnh nhà Th, sáng 26/7/2021 bán cho anh Hải được số tiền 4.580.000đ (bốn triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), số tiền này anh Hải đưa cho Th 1.000.000đ (một triệu đồng), đưa cho H số tiền 3.580.000đ (ba triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng), sau đó H đưa lại cho Th giữ số tiền trên.

Sáng ngày 27/7/2021 H liên lạc với Phước để đến chia tiền nhưng không liên lạc được nên T bộ số tiền bán cây cao su có được Th vẫn giữ và chưa chia cho ai. Khoảng 11 giờ cùng ngày Phước đến lô cao su trên Thì phát hiện Th, H, V cắt nhiều cây cao su quá nên lo sợ và báo sự việc cho anh Bùi Đức T là người được giao quản lý của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ nên anh T đã trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 09 cây cao su bị cắt hạ vào Thời điểm ngày 23/7/2021, có tổng khối lượng 5.970kg gỗ có giá 9.522.000đ (chín triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng); 07 cây cao su bị cắt hạ vào Thời điểm ngày 24/7/2021, có tổng khối lượng 6.130kg gỗ có giá 9.808.000đ (chín triệu tám trăm lẻ tám ngàn đồng); 05 cây cao su bị cắt hạ vào Thời điểm ngày 25/7/2021, có tổng khối lượng 4000kg gỗ và 880kg củi có giá 6.840.00đ (sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng giá trị 26.200.000đ (hai mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 08/01/2022, Viện kiểm sát Nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph về tội "Trộm cắp tài sản" Theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

2. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

* Các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản cáo trạng. Tại phần luận tội, các bị cáo đồng ý việc truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" Theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, khung hình phạt như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Lê Quang Th mức hình phạt từ 12-16 Tháng tù.

- Bị cáo Tăng Quang V mức hình phạt từ 09-12 Tháng tù.

- Bị cáo Nguyễn Trọng Hmức hình phạt từ 09-12 Tháng tù.

- Bị cáo Đỗ Ph mức hình phạt từ 09-12 Tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án; nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, những người Tham gia tố tụng khác Theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thu thập đúng trình tự, Thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, các bị cáo cho rằng chưa được Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai giao bản cáo trạng cho các bị cáo. Tuy nhiên, các tài liệu tại hồ sơ vụ án thể hiện, vào ngày 10/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai đã lập Biên bản giao nhận cáo trạng lần lượt cho các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph. Các bị cáo xác nhận chữ ký trong Biên bản giao nhận cáo trạng tại mục *"Người nhận"* là đúng chữ ký của các bị cáo. Do đó, việc các bị cáo cho rằng chưa được giao bản cáo trạng nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội:

Đối chiếu kết quả tranh tụng tại phiên tòa với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Lợi dụng việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có sự sơ hở trong việc quản lý cây cao su đang khai Thác gỗ, các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph đã cùng nhau bàn bạc, Thống nhất việc cùng nhau lén lút thực hiện hành vi cưa cây cao su để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định, số lượng cây cao su mà các bị chiếm đoạt trong ngày 23/7/2021 có giá trị là 9.552.000 đồng; ngày 24/7/2021 có giá trị là 9.808.000 đồng và ngày 25/7/2021 có giá trị là 6.840.000 đồng. Tổng giá trị là 26.200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gđã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm; vai trò đồng phạm các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph đều biết rõ việc lợi dụng người khác sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản để cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt là phạm pháp, sẽ bị nghiêm trị nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên vẫn thực hiện tội phạm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, cần phải nghiêm trị các bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; phân hóa vai trò đồng phạm các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc để phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi khi thực hiện tội phạm giữa các bị cáo có sự khác nhau nên cần phân hóa vai trò đồng phạm khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Lê Quang Th, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H cùng Tham gia Thực hiện tội phạm và sử dụng các công cụ dao rựa, cưa máy để cùng V, H thực hiện hành vi cưa trộm cây cao su trong nhiều ngày và sử dụng xe công nông của gia đình vận chuyển cây cao su đã cưa trộm bán cho người khác. Do đó, bị cáo là người có vai trò cao nhất trong vụ án.

Đối với các bị cáo Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H là những người trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm. Sau khi nghe Lê Quang Th rủ rê, các bị cáo cùng Lê Quang Th đến nơi có cây cao su để quan sát. Sau khi bị cáo H đặt vấn đề thỏa thuận với bị cáo Đỗ Ph và được bị cáo Ph đồng ý trong việc tạo cơ hội cho các bị cáo này thực hiện việc cưa trộm cây cao su, hứa hẹn cùng nhau chia tiền để tiêu xài, liên tiếp trong 03 ngày, các bị cáo H, V cùng bị cáo Th đã cưa trộm nhiều cây cao su, cùng nhau vận chuyển đến địa điểm Thuận lợi để bán cho người khác. Các bị cáo cũng bị xử phạt với mức độ nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo Th.

Đối với bị cáo Đỗ Ph, bị cáo đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Lợi dụng việc trước đó anh Bùi Đức T là người quản lý vườn cây cao su của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đồng ý cho bị cáo cạo mót mủ trên cây cao su đang khai thác gỗ và nhờ trông coi hộ vườn cao su trong thời gian anh T vắng mặt. Sau khi nghe bị cáo

H đặt vấn đề cho cưa trộm cây cao su để bán lấy tiền và hứa chia tiền chung, vì hám lợi nên bị cáo đã đồng ý và chủ động đề nghị khi nào bị cáo về nhà sẽ liên lạc cho các bị cáo Th, H, V đến cưa cây. Chính việc đồng Thuận của bị cáo đã tạo điều kiện Thuận lợi cho các bị cáo Th, V, H thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, việc phạm tội của bị cáo chỉ mang tính bộc phát vì hám lợi, không trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm nên không biết được các bị cáo khác thực hiện hành vi cưa trộm cây trong nhiều ngày. Thực tế sau khi đến hiện trường phát hiện nhiều cây cao su bị cưa trộm, bị cáo đã tự giác báo lại cho anh Bùi Đức T để thông báo cho cơ quan chức năng để sớm điều tra, giải quyết vụ án. Bị cáo cũng chưa hưởng lợi từ việc phạm tội. Do đó, xử phạt bị cáo Thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án là phù hợp.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi cưa trộm cây cao su trong nhiều ngày, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Trọng H, Tăng Quang V, Đỗ Ph đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

[5] Về phần dân sự:

Người bị hại đã được bồi thường xong và không có yêu cầu giải quyết khác về phần dân sự nên không xem xét.

[6] Về vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; 01 máy cưa; 01 con dao rựa thu giữ của bị cáo Lê Quang Th; 01 điện thoại thu giữ của Tăng Quang V; 01 điện thoại thu giữ của Nguyễn Trọng H và 01 điện thoại thu giữ của Đỗ Ph là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ.

- Đối với số tiền 17.710.000 đồng mà các bị cáo giao nộp là số tiền có được từ việc phạm tội; số tiền 5.855.000 mà anh Hoàng Văn H giao nộp là tiền có được từ việc mua bán tài sản phạm pháp nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 xe máy kéo màu đỏ (xe công nông) thu giữ của bị cáo Lê Quang Th, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và chị Trần Thị Kim O nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Chị Oanh khai chiếc xe này là phương tiện sử dụng vào mục đích hoạt động sản xuất của gia đình, việc bị cáo sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp chị Oanh không biết nên tuyên trả lại cho chị Oanh.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 81U1-238.89 mà bị cáo Lê Quang Th mượn của anh Nguyễn Văn Đ và xe mô tô biển kiểm soát 61D1-552.69 mà bị cáo Tăng Quang V mượn của anh Tăng Quang Đ làm phương tiện đi lại. Anh Đ và anh Đ1 đều không biết các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi cưa trộm cây cao su nên tuyên trả lại xe cho anh Đ và anh Đ1.

[7] Đối với anh Hoàng Văn H, khi mua gỗ cao su của các bị cáo, anh H không biết do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm Theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 173 Bộ luật hình sự.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng H và Đỗ Ph phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Quang Th 14 (Mười bốn) Tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến ngày 02/9/2021.

Xử phạt bị cáo Tăng Quang V 10 (Mười) Tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến ngày 02/9/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 10 (Mười) Tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến ngày 02/9/2021.

Xử phạt bị cáo Đỗ Ph 09 (Chín) Tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến ngày 02/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 23.565.000 đồng; 01 điện thoại di động, 01 máy cưa, 01 con dao rựa thu giữ của bị cáo Lê Quang Th; 01 điện thoại di động thu giữ của Tăng Quang V; 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng H và 01 điện thoại di động thu giữ của Đỗ Ph.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 81U1-238.89.

- Trả lại cho anh Tăng Quang Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 61D1-552.69.

- Trả lại cho chị Trần Thị Kim O 01 xe máy kéo màu đỏ (xe công nông).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2022 giữa Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Lê Quang Th, Tăng Quang V, Nguyễn Trọng Hvà Đỗ Ph, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vũ